

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/HS-ST**.

Ngày: 08 - 02 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Ngọc Trí.

2/ Ông Trần Tuất.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Văn Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Đình Lắm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS, ngày 08 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Thị Yên N**, sinh năm 1991 tại Bình Thuận; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Đ, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; chồng: Phạm Hồng T (đã chết) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án: Tại bản án số: 27/2015/HSST, ngày 07/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/8/2015.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”: Có mặt.

- *Người bị hại:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 2 - Thôn 1 - xã H - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- *Người làm chứng;*

- Anh Lê Minh L, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 4 - Thôn 1 - xã H - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 4 - Thôn 1 - xã H - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 4 - Thôn 1 - xã H - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- Anh Phạm Tấn S, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 1 - xã H - huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

- Chị Lê Thị B, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 1 - xã H - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- Ông Phạm Tấn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 2 - Thôn 1 - xã H - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 3 - Thôn 3 - xã B - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- Chị Dương Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 4 - Thôn 3 - xã M - huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm 7 - Thôn 3 - xã Đ - huyện H - Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết từ trước giữa Mai Thị Yến N với vợ chồng anh Lê Minh L, chị Nguyễn Thị Hoài T làm nghề chụp ảnh cưới, nên N đã bịa ra việc “*Chụp hình ngoại cảnh cho cô dâu*” để thuê vợ chồng anh L đi chụp ảnh ở Đà Lạt nhằm tạo mối quan hệ. N thuê xe ô tô 7 chỗ ngồi biển số 86A-044.40 của chị Dương Thị N từ ngày 18/10/2017 và thuê tài xế Lê Mạnh H chạy xe cho N nhằm phô trương gia cảnh là người giàu có. N đã đặt tiền cọc chụp hình ngoại cảnh cho vợ chồng anh L 500.000đ. Ngày 19/10/2017, N điện thoại cho chị T thông báo ngày 26 và 27/10/2017 sẽ đi chụp hình ngoại cảnh cho cô dâu chú rể tại TP. Đà Lạt-tỉnh Lâm Đồng.

Khoảng 9h00 ngày 24/10/2017, Mai Thị Yến N thuê Lê Mạnh H điều khiển xe ô tô 86A-044.40 chở N đến nhà chị Thương để rủ vợ chồng chị T đi Đa Mi chơi nhằm tạo lòng tin. N bảo anh Liên rủ thêm vài người nữa đi chơi, thì anh Liên gọi điện rủ vợ chồng chị Lê Thị P (là chị ruột của anh Liên) và là chủ dịch vụ nấu ăn T. Trong quá trình chơi tại thủy điện Đa Mi, thì N biết được chị P làm dịch vụ nấu ăn nên giả vờ nói có đưa em gái nhà ở xã G chuẩn bị tổ chức đám cưới để nói chuyện qua lại với chị P. Đến khoảng 20h00 cùng ngày, vợ chồng chị P cùng N đi hát karaoke tại quán T ở thôn 3

- xã B - huyện T. Lúc này, N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị P nhằm mục đích tiêu xài. Mai Thị Yến N giả vờ nói với chị P cho mượn số tiền 5.000.000đ để trả cho dịch vụ nấu ăn KC ở thị trấn Lạc Tánh; sau đó sẽ đặt chị P nấu đám cưới nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 5.000.000đ. Chị P tin tưởng nên đã đưa cho N 5.000.000đ. N sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 19h00 ngày 25/10/2017 Mai Thị Yến N tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị P nên N lên nhà chị P để giả vờ ký hợp đồng nấu ăn cho đám cưới. Sau khi ký hợp đồng xong, N nói dối với chị P “*Chị có tiền mặt không cho em mượn 15.000.000đ để lo chi phí chụp ảnh ngoại cảnh*”; khi nghe chị P nói không có tiền nên N nói “*Nếu có tiền thì 7h sáng mai bạn em mang lên cho chị, còn không em với T lên Đà Lạt chuyển khoản cho chị*”, chị P tin tưởng nên đi mượn của chị Nguyễn Thị Thu A 15.000.000đ đưa cho N.

Đến khoảng 19h00, ngày 27/10/2017 Mai Thị Yến N nói dối chị P cho N mượn 4.000.000đ để đưa cho Lê Mạnh H (tài xế xe) mượn để đưa cho mẹ H, nhưng thực chất là N lấy tiền để trả tiền thuê xe cho H. Chị P tin tưởng nên tiếp tục đưa cho N số tiền 4.000.000đ.

Tổng số tiền Mai Thị Yến N lừa đảo chiếm đoạt của chị P là 24.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 03/QĐ/KSĐT/VKS - HS, ngày 05 tháng 01 năm 2018; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận đã truy tố Mai Thị Yến N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 139 BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Thị Yến N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 139, các điểm b, p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo Mai Thị Yến N với hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tổng hợp hình phạt đối với hai bản án.

- Bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi vi phạm của bị cáo Mai Thị Yến N:

Sau khi biết chị Lê Thị P làm nghề dịch vụ nấu ăn và không có tiền tiêu xài nên Mai Thị Yến N nảy sinh ý định lừa đảo nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của chị P. Mai Thị Yến N đã cung cấp một số thông tin sai sự thật về việc gia đình N chuẩn bị tổ chức đám cưới để cho chị P tin tưởng giao tiền cho N. Cụ thể: Vào ngày 24/10/2017 Mai Thị Yến N nói dối là mượn tiền để đi trả cho dịch vụ nấu ăn K tại thị trấn L để cho chị P tin

tưởng giao số tiền 5.000.000đ. Sau đó, N đã chiếm đoạt số tiền này để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Tiếp tục vào ngày 25/10/2017 N nói với chị P cho mượn số tiền 15.000.000đ để đi chụp hình đám cưới ngoại cảnh. Sau khi, chị P đưa số tiền 15.000.000đ N đã chiếm đoạt sử dụng để tiêu xài và không hoàn trả lại số tiền này cho chị P. Vào ngày 27/10/2017 N muốn tiếp tục chiếm đoạt tài sản của chị P nên nói với chị P cho mượn 4.000.000đ để cho Lê Mạnh H mượn, nhưng thực tế là trả tiền thuê xe. Chị P tin tưởng nên giao cho N 4.000.000đ và N đã chiếm đoạt số tiền này.

Bị cáo Mai Thị Yến N là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự thể nhưng vì mục đích muốn có tiền để tiêu xài nên đã cung cấp một số thông tin sai sự thật nhằm mục đích cho chị Lê Thị P tin tưởng để thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 24.000.000đ. Do đó, hành vi của Mai Thị Yến N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999, như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về tình tiết tăng nặng:

Xét thấy: Mai Thị Yến N Đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm tại bản án số 27/2018/HSST ngày 07/8/2015, đến nay chưa được xóa án tích; thể nhưng bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Cho nên, bị cáo phạm tội trong trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo nghiêm minh theo quy định của Pháp luật hình sự để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại cho cho chị P. Do đó, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, b khoản 1 Điều 46 BLHS.

[4] Về tổng hợp hình phạt:

Xét thấy: Bị cáo Mai Thị Yến N phạm tội trong thời gian thử thách của án treo tại bản bản án số 27/2018/HSST ngày 07/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó cần tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Mai Thị Yến N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 60 và Điều 51 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại Lê Thị P không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Cần buộc bị cáo Mai Thị Yến N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 99 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 5 Điều 60; Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 - Đã được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 37/2009/QH12 ngày 19/6/2009:

Tuyên bố: Bị cáo Mai Thị Yến N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Mai Thị Yến N: 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày 07/8/2015 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 27/2015/HSST, ngày 07/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T: Buộc Mai Thị Yến N phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo Mai Thị Yến N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án – Ngày 08/02/2018 (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- + Cấp theo Đ.262 BLTTHS:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện;
- CQCSĐT huyện;
- UBND **TT. L (thay TB)**;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- CC THA DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA, HS T.H.A.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến